

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN
DAMSAN JOINT STOCK COMPANY

Số: 19052026/ADS
No.: 19052026/ADS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hung Yên, ngày 19 tháng 05 năm 2026
Hung Yen, May 19th 2026

THÔNG BÁO THAY ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CHANGE IN CERTIFICATE OF BUSINESS REGISTRATION

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
To: Vietnam Exchange/ Hochiminh Stock Exchange

Căn cứ theo Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 18/05/2026 do Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên cấp, chúng tôi trân trọng thông báo việc cập nhật nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty chúng tôi như sau:

Based on the Certificate of Confirmation of changes to the enterprise registration contents dated May 18, 2026, issued by the Department of Finance of Hung Yen Province, we respectfully announce the following update to our company's business registration:

- Tên tổ chức/Name of organization: Công ty cổ phần Damsan/ Damsan joint stock company
- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code: ADS
- Địa chỉ/Address: Lô A4, đường Bùi Viện, khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam./ Lot A4, Bui Vien Street, Nguyen Duc Canh Industrial Zone, Tran Hung Dao Ward, Hung Yen Province, Vietnam.
- Điện thoại liên hệ/Tel.: 02273.643826 Fax:
- E-mail:
- Website: damsanjsc.vn

1. Thông tin trước khi thay đổi/Information before change:

STT/ No	Tên ngành/ Business Sector	Mã ngành/ Code
1	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục) <i>Manufacture of ready-made textile articles (except apparel)</i>	1392
2	Sản xuất thảm, chăn, đệm <i>Manufacture of carpets, rugs, blankets, and mattresses</i>	1393
3	Xây dựng nhà để ở <i>Construction of residential buildings</i>	4101
4	Xây dựng nhà không để ở <i>Construction of non-residential buildings</i>	4102
5	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ) <i>Construction of roads</i> <i>Details: Construction of traffic works (bridges, roads)</i>	4212

6	Xây dựng công trình điện Chi tiết: Thi công xây dựng đường dây và trạm biến áp <i>Construction of power plants</i> <i>Details: Construction of power lines and substations</i>	4221
7	Xây dựng công trình cấp, thoát nước <i>Construction of utility projects for water supply and sewerage</i>	4222
8	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc <i>Construction of utility projects for telecommunications and communications</i>	4223
9	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi; xây dựng các công trình văn hoá xã hội và các loại công trình công ích khác. <i>Construction of other public utility works</i> <i>Details: Construction of irrigation works; construction of cultural and social works, and other types of public utility works.</i>	4229
10	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp; xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp, thoát nước), công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn. <i>Construction of other civil engineering projects</i> <i>Details: Construction of civil and industrial works; construction of technical infrastructure works (water supply and drainage), agricultural and rural development works.</i>	4299
11	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí <i>Plumbing, heat, and air-conditioning installation</i>	4322
12	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Bán buôn vải, hàng may sẵn <i>Wholesale of textiles, clothing, and footwear</i> <i>Details: Wholesale of fabrics, ready-made clothes</i>	4641
13	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển <i>Renting and leasing of other machinery, equipment, and tangible goods without operator</i>	7730
14	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế công trình dân dụng - công nghiệp; thiết kế công trình cấp - thoát nước; thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế xây dựng công trình giao thông, công trình nông nghiệp & PTNT; thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật; thẩm tra: Thẩm tra thiết kế + dự toán công trình xây dựng DD&CN; thẩm tra thiết kế + dự toán công trình giao thông (cầu, đường bộ); giám sát thi công xây dựng công trình; giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng-công nghiệp; giám sát công trình hạ tầng kỹ thuật; giám sát công trình giao thông (cầu, đường bộ); giám sát công trình NN&PTNT; giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình; khảo sát xây dựng; khảo sát địa hình; tư vấn quản lý dự án công trình giao thông (cầu, đường bộ), lập dự án đầu tư xây dựng; tư vấn quản lý dự án công trình dân dụng, công nghiệp, lập dự án đầu tư xây dựng; tư vấn quản lý dự án công trình hạ tầng kỹ thuật, lập dự án ĐTXD; tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, tư vấn lựa chọn nhà thầu. <i>Architectural and related engineering consulting activities</i> <i>Details: Architectural design of buildings; design of civil and industrial buildings; design of water supply and drainage systems; design of mechanical and electrical systems for buildings; design of transportation infrastructure, agricultural and rural development projects; design of technical infrastructure projects; verification: Verification of design and</i>	7110

	<i>cost estimates for civil and industrial construction projects; verification of design and cost estimates for transportation projects (bridges, roads); construction supervision; supervision of construction work for civil and industrial buildings; supervision of technical infrastructure projects; supervision of transportation projects (bridges, roads); supervision of agricultural and rural development projects; supervision of equipment installation in projects; construction survey; topographic survey; consulting on project management for transportation projects (bridges, roads), preparation of construction investment projects; consulting on project management for civil and industrial buildings, preparation of construction investment projects; Consulting services for infrastructure project management, investment project planning; consulting services for preparing tender documents, evaluating tenders, and contractor selection.</i>	
15	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại <i>Machining; treatment and coating of metals</i>	2592
16	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Wholesale of other building materials and installation equipment.</i>	4663
17	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Retail sale of hardware, paints, glass, and other construction materials and equipment in specialty stores</i>	4752
18	Hoàn thiện công trình xây dựng <i>Building completion and finishing</i>	4330
19	Lắp đặt hệ thống điện <i>Electrical installation</i>	4321
20	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại màu (trừ bán buôn vàng) <i>Wholesale of metals and metal ores</i> <i>Details: Wholesale of iron and steel; Wholesale of non-ferrous metals (except gold)</i>	4662
21	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Retail sale of clothing, footwear, leather, and imitation leather articles</i> <i>Details: Retail sale of clothing</i>	4771
22	Hoàn thiện sản phẩm dệt <i>Finishing of textiles</i>	1313
23	Sản xuất vải dệt thoi <i>Weaving of textiles</i>	1312
24	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Real estate activities with own or leased land / property</i>	6810
25	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dệt may; bán buôn máy phát điện năng lượng mặt trời, thiết bị điện năng lượng mặt trời, máy phát điện, động cơ điện, máy chế biến, dây điện, rơ le, cầu dao, cầu chì, thiết bị mạch điện khác và máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng; bán buôn máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác <i>Wholesale of other machinery, equipment and spare parts</i> <i>Details: Wholesale of machinery, equipment and spare parts for the textile industry; wholesale of solar power generators, solar power equipment, generators, electric motors, processing machines, electrical wires, relays,</i>	4659

D.N.
CÔ
CÔ
ĐA
TINH

	<i>switches, fuses, other electrical circuit equipment and other electrical machinery, equipment and materials; wholesale of office machinery, equipment and spare parts; wholesale of machinery and equipment for industrial production, commerce, maritime and other services</i>	
26	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn sợi dệt, bông; bán buôn pin năng lượng mặt trời, máy nước nóng năng lượng mặt trời <i>Other specialized wholesale trade not classified elsewhere</i> <i>Details: Wholesale trade of textiles and cotton; wholesale trade of solar batteries and solar water heaters</i>	4669
27	Sản xuất sợi <i>Spinning of textiles</i>	1311(chính)/ (Main)
28	Sản xuất linh kiện điện tử <i>Electronic component manufacturing</i>	2610
29	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng <i>Manufacture of electrical lighting equipment</i>	2740

2. Thông tin sau khi thay đổi/Information after change:

STT/ No	Tên ngành/ Business Sector	Mã ngành/ Code
1	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục) <i>Manufacture of ready-made textile articles (except apparel)</i>	1392
2	Sản xuất thảm, chăn, đệm <i>Manufacture of carpets, rugs, blankets, and mattresses</i>	1393
3	Xây dựng nhà để ở <i>Construction of residential buildings</i>	4101
4	Xây dựng nhà không để ở <i>Construction of non-residential buildings</i>	4102
5	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ) <i>Construction of roads</i> <i>Details: Construction of traffic works (bridges, roads)</i>	4212
6	Xây dựng công trình điện Chi tiết: - Xây dựng mạng lưới đường dây truyền tải, phân phối điện và các công trình, cấu trúc có liên quan như: + Đường dây, mạng lưới truyền tải điện với khoảng cách dài. + Đường dây, mạng lưới truyền tải điện, đường cáp điện ngầm và các công trình phụ trợ ở thành phố. + Trạm biến áp - Xây dựng nhà máy điện <i>Construction of utility projects for electricity</i> <i>Details:</i> <i>- Construction of power transmission and distribution lines and related works and structures such as:</i> <i>+ Long-distance power transmission lines and networks.</i> <i>+ Urban power transmission lines, networks, underground power cables, and ancillary works.</i> <i>+ Transformer stations.</i> <i>- Construction of power plants.</i>	4221
7	Xây dựng công trình cấp, thoát nước <i>Construction of utility projects for water supply and sewerage</i>	4222
8	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223

	<i>Construction of utility projects for telecommunications and communications</i>	
9	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi; xây dựng các công trình văn hoá xã hội và các loại công trình công ích khác. <i>Construction of other public utility works</i> <i>Details: Construction of irrigation works; construction of cultural and social works, and other types of public utility works.</i>	4229
10	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp; xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp, thoát nước), công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn. <i>Construction of other civil engineering projects</i> <i>Details: Construction of civil and industrial works; construction of technical infrastructure works (water supply and drainage), agricultural and rural development works.</i>	4299
11	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí <i>Plumbing, heat, and air-conditioning installation</i>	4322
12	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Bán buôn vải, hàng may sẵn <i>Wholesale of textiles, clothing, and footwear</i> <i>Details: Wholesale of fabrics, ready-made clothes</i>	4641
13	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển <i>Renting and leasing of other machinery, equipment, and tangible goods without operator</i>	7730
14	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế kết cấu công trình, công trình dân dụng hạ tầng kỹ thuật; - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng-công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; - Thiết kế phòng cháy chữa cháy, tư vấn thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; - Lập dự án đầu tư xây dựng công trình; - Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Tư vấn đấu thầu; - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, kiểm định xây dựng; - Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; - Dịch vụ tư vấn đấu thầu; - Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; - Tư vấn khảo sát, giám sát phòng cháy chữa cháy. <i>Architectural and engineering activities and related technical consultancy</i> <i>Details:</i> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Structural design of works, civil engineering infrastructure works;</i> - <i>Supervision of construction and completion of industrial civil works and technical infrastructure;</i> - <i>Fire prevention and fighting design, design consultancy, construction design review;</i> - <i>Formulation of construction investment projects;</i> - <i>Management of construction investment projects;</i> - <i>Bidding consultancy;</i> - <i>Consultancy on construction supervision, construction inspection;</i> - <i>Consultancy on construction investment cost management;</i> - <i>Bidding consultancy services;</i> 	7110

036
TY
HÀ
SA
NG

	- <i>Preparation of bidding documents, evaluation of bids;</i> - <i>Fire prevention and fighting survey and supervision consultancy.</i>	
15	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại <i>Machining; treatment and coating of metals</i>	2592
16	Hoàn thiện công trình xây dựng <i>Building completion and finishing</i>	4330
17	Lắp đặt hệ thống điện <i>Electrical installation</i>	4321
18	Hoàn thiện sản phẩm dệt <i>Finishing of textiles</i>	1313
19	Sản xuất vải dệt thoi <i>Weaving of textiles</i>	1312
20	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Real estate activities with own or leased land / property</i>	6810
21	Sản xuất pin mặt trời, tấm pin mặt trời và bộ biến tần quang điện <i>Manufacture of solar cells, solar panels, and photovoltaic inverters</i>	2611
22	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác Chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) (Bán buôn máy móc, thiết bị vật liệu điện: Tổ máy phát điện, máy phát điện, động cơ điện, máy biến thế, dây điện đã hoặc chưa bọc lớp cách điện, role, cầu dao, cầu chì, thiết bị mạch điện khác.) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu (Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác) <i>Wholesale of other machinery, equipment, and parts</i> <i>Details:</i> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Wholesale of electrical machinery, equipment, and materials (generators, electric motors, wires, and other equipment used in electrical circuits)</i> <i>(Wholesale of electrical materials, machinery, and equipment: Generator sets, generators, electric motors, transformers, insulated or uninsulated wires, relays, circuit breakers, fuses, other circuit devices.)</i> - <i>Wholesale of machinery, equipment, and parts for textile, garment, leather, and footwear;</i> - <i>Wholesale of office machinery, equipment, and parts (except computers and peripheral equipment);</i> - <i>Wholesale of other machinery, equipment, and parts not elsewhere classified (Wholesale of other machinery and equipment not elsewhere classified, used for industrial production, commerce, navigation, and other services).</i> 	4659
23	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện <i>Manufacture of electric motors, generators, transformers, and electricity distribution and control apparatus</i>	2710
24	Sản xuất sợi <i>Spinning of textiles</i>	1311(chính)/ (Main)
25	Sản xuất pin và ắc quy	2720

	<i>Manufacture of batteries and accumulators</i>	
26	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại <i>Manufacture of wiring devices of all kinds</i>	2733
27	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện tử và quang học <i>Repair and maintenance of electronic and optical equipment</i>	3313
28	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng <i>Manufacture of electric lighting equipment</i>	2740
29	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện <i>Repair and maintenance of electrical equipment</i>	3314
30	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo Chi tiết: Điện mặt trời <i>Production of electricity from renewable energy</i> <i>Details: Solar power</i>	3512
31	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động của các hệ thống truyền tải vận chuyển điện từ nơi sản xuất đến hệ thống phân phối; - Hoạt động trao đổi điện và khả năng truyền tải điện; - Hoạt động của hệ thống phân phối (tức là gồm có các tuyến dây, cột, đồng hồ đo và dây dẫn) vận chuyển điện từ nơi sản xuất hoặc hệ thống truyền tải đến người tiêu dùng cuối cùng. - Bán điện cho người sử dụng. Transmission and distribution of electricity <i>Details:</i> <ul style="list-style-type: none"> - Operation of transmission systems that convey electricity from the generation facility to the distribution system. - Operation of electricity exchange and power transmission capacity. - Operation of distribution systems (consisting of lines, poles, meters, and wiring) that convey electricity received from the generation facility or the transmission system to the final consumer. - Sale of electricity to users. 	3513
32	Hoạt động trung gian hoặc đại lý điện, khí đốt Chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động của các trung gian hoặc đại lý đại diện mà sắp xếp việc mua bán điện thông qua hệ thống phân phối thực hiện bởi người khác; - Hoạt động của các trung gian hoặc đại lý cho sản xuất, khả năng phân phối và truyền tải điện, trao đổi năng lượng điện. (Trừ truyền tải và Điều độ hệ thống điện quốc gia) Electricity and gas brokers or agents <i>Details:</i> <ul style="list-style-type: none"> - Activities of electricity brokers or agents that arrange for the sale of electricity via distribution systems operated by others; - Activities of brokers or agents for the production, distribution, transmission capacity of electricity, and exchange of electrical energy. (Except for transmission)	3540
33	Sản xuất linh kiện điện tử khác <i>Manufacture of other electronic components</i>	2619
34	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn sợi dệt, bông; bán buôn pin năng lượng mặt trời, máy nước nóng năng lượng mặt trời	4679

	<i>Other specialized wholesale not elsewhere classified Details: Wholesale of textile fibers, cotton; wholesale of solar cells, solar water heaters</i>	
35	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại màu (trừ bán buôn vàng) <i>Wholesale of metals and metal ores Details: Wholesale of iron and steel; Wholesale of non-ferrous metals (except gold)</i>	4672
36	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Wholesale of other construction materials and equipment</i>	4673
37	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Retail sale of hardware, paints, glass, and other construction materials and equipment</i>	4752
38	Bán lẻ hàng may mặc, giày, dép, hàng da và giả da Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc <i>Retail sale of clothing, footwear, leather, and imitation leather articles Details: Retail sale of clothing</i>	4771

3. Lý do thay đổi (nếu có)/Reason for change (if any):

4. Ngày có hiệu lực/Effective date: 18/05/2026

5. Ngày nhận được Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/ Receipt date of the Certificate of change regarding business registration details. 19/05/2026

6. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/05/2026 tại đường dẫn <https://damsanjsc.vn/> This information was published on the company's website on 19/05/2026 as in the link <https://damsanjsc.vn/>

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Giấy xác nhận về việc thay đổi
đăng ký doanh nghiệp
Certificate of Business
Registration Change

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/Person authorized to disclose information



CHỦ TỊCH H.Đ.QUY
Vũ Hưng Đông

Hưng Yên, ngày 18 tháng 05 năm 2026

Số:



27188/26

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH: Tỉnh Hưng Yên

Địa chỉ trụ sở: Số 8 đường Chùa Chuông, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 02213.863.929 - 02273.736.878 -

02273.799.688 Số Fax:

Thư điện tử: dkkdhungyen@gmail.com Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Mã số doanh nghiệp: 1000389853

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
2	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
3	Xây dựng nhà để ở	4101
4	Xây dựng nhà không để ở	4102
5	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ)	4212
6	Xây dựng công trình điện Chi tiết: - Xây dựng mạng lưới đường dây truyền tải, phân phối điện và các công trình, cấu trúc có liên quan như: + Đường dây, mạng lưới truyền tải điện với khoảng cách dài. + Đường dây, mạng lưới truyền tải điện, đường cáp điện ngầm và các công trình phụ trợ ở thành phố. + Trạm biến áp. - Xây dựng nhà máy điện.	4221
7	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
8	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223



STT	Tên ngành	Mã ngành
9	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi; xây dựng các công trình văn hóa xã hội và các loại công trình công ích khác.	4229
10	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp; xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp, thoát nước), công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.	4299
11	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
12	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Bán buôn vải, hàng may sẵn	4641
13	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
14	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kết cấu công trình, công trình dân dụng hạ tầng kỹ thuật; - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng-công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; - Thiết kế phòng cháy chữa cháy, tư vấn thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; - Lập dự án đầu tư xây dựng công trình; - Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Tư vấn đấu thầu; - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, kiểm định xây dựng; - Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; - Dịch vụ tư vấn đấu thầu; - Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; - Tư vấn khảo sát, giám sát phòng cháy chữa cháy.	7110
15	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
16	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
17	Lắp đặt hệ thống điện	4321
18	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
19	Sản xuất vải dệt thoi	1312
20	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
21	Sản xuất pin mặt trời, tấm pin mặt trời và bộ biến tần quang điện	2611



STT	Tên ngành	Mã ngành
22	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) (Bán buôn máy móc, thiết bị vật liệu điện: Tổ máy phát điện, máy phát điện, động cơ điện, máy biến thế, dây điện đã hoặc chưa bọc lớp cách điện, role, cầu dao, cầu chì, thiết bị mạch điện khác.) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu (Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác)	4659
23	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
24	Sản xuất sợi	1311(Chính)
25	Sản xuất pin và ắc quy	2720
26	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
27	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện tử và quang học	3313
28	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
29	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện	3314
30	Sản xuất điện tử nguồn năng lượng tái tạo Chi tiết: Điện mặt trời	3512
31	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: - Hoạt động của các hệ thống truyền tải vận chuyển điện từ nơi sản xuất đến hệ thống phân phối. - Hoạt động trao đổi điện và khả năng truyền tải điện. - Hoạt động của hệ thống phân phối (tức là gồm có các tuyến dây, cột, đồng hồ đo và dây dẫn) vận chuyển điện từ nơi sản xuất hoặc hệ thống truyền tải đến người tiêu dùng cuối cùng. - Bán điện cho người sử dụng.	3513
32	Hoạt động trung gian hoặc đại lý điện, khí đốt Chi tiết: - Hoạt động của các trung gian hoặc đại lý điện mà sắp xếp việc mua bán điện thông qua hệ thống phân phối thực hiện bởi người khác; - Hoạt động của các trung gian hoặc đại lý cho sản xuất, khả năng phân phối và truyền tải điện, trao đổi năng lượng điện. (Trừ truyền tải và Điều độ hệ thống điện quốc gia)	3540
33	Sản xuất linh kiện điện tử khác	2619

STT	Tên ngành	Mã ngành
34	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Bán buôn sợi dệt, bông; bán buôn pin năng lượng mặt trời, máy nước nóng năng lượng mặt trời	4679
35	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại màu (trừ bán buôn vàng)	4672
36	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4673
37	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4752
38	Bán lẻ hàng may mặc, giày, dép, hàng da và giả da Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc	4771

Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): LÊ XUÂN CHIẾN Điện thoại:
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: TRẦN MINH HÀ Điện thoại:
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Lô A4, đường Bùi Viện, khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trần Hưng Đạo, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam Điện thoại: 02273.643826 Fax: 02273.642312 Email: phongketoandamsan@gmail.com
4	Hình thức hạch toán: <i>Hạch toán độc lập</i>
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày 1/1 đến ngày 31/12
6	Tổng số lao động: 600
7	Phương pháp tính thuế GTGT:

Nơi nhận:

-CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN. Địa chỉ:Lô A4, đường Bùi Viện, khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trần Hưng Đạo, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

-.....;
- Lưu: Vũ Hồng Sơn.....



Phạm Thị Phương

HUNG YEN PROVINCE
DEPARTMENT OF FINANCE
BUSINESS REGISTRATION
OFFICE

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Hung Yen, May 18, 2026

No.:



CONFIRMATION

Regarding the change in business registration contents

BUSINESS REGISTRATION OFFICE: Hung Yen Province
Headquarters address: No. 8 Chua Chuong Street, Pho Hien Ward, Hung Yen Province,
Vietnam

Telephone: 02213.863.929 - 02273.736.878 - 02273.799.688

Fax:

Email: dkkdhungyen@gmail.com

Website:

Confirms that:

Company name: DAMSAN JOINT STOCK COMPANY

Enterprise code: 1000389853

Has notified the Business Registration Office of changes to the business registration contents.

The enterprise's information has been updated in the National Business Registration Information System as follows:

No.	Business Sector	Code
1	Manufacture of ready-made textile articles (except apparel)	1392
2	Manufacture of carpets, rugs, blankets, and mattresses	1393
3	Construction of residential buildings	4101
4	Construction of non-residential buildings	4102
5	Construction of roads <i>Details: Construction of traffic works (bridges, roads)</i>	4212
6	Construction of utility projects for electricity <i>Details:</i>	4221

	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Construction of power transmission and distribution lines and related works and structures such as:</i> + <i>Long-distance power transmission lines and networks.</i> + <i>Urban power transmission lines, networks, underground power cables, and ancillary works.</i> + <i>Transformer stations.</i> - <i>Construction of power plants.</i> 	
7	Construction of utility projects for water supply and sewerage	4222
8	Construction of utility projects for telecommunications and communications	4223
9	Construction of other public utility works <i>Details: Construction of irrigation works; construction of cultural and social works, and other types of public utility works.</i>	4229
10	Construction of other civil engineering projects <i>Details: Construction of civil and industrial works; construction of technical infrastructure works (water supply and drainage), agricultural and rural development works.</i>	4299
11	Plumbing, heat, and air-conditioning installation	4322
12	Wholesale of textiles, clothing, and footwear <i>Details: Wholesale of fabrics, ready-made clothes</i>	4641
13	Renting and leasing of other machinery, equipment, and tangible goods without operator	7730
14	Architectural and engineering activities and related technical consultancy <i>Details:</i> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Structural design of works, civil engineering infrastructure works;</i> - <i>Supervision of construction and completion of industrial civil works and technical infrastructure;</i> - <i>Fire prevention and fighting design, design consultancy, construction design review;</i> - <i>Formulation of construction investment projects;</i> - <i>Management of construction investment projects;</i> 	7110

	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Bidding consultancy;</i> - <i>Consultancy on construction supervision, construction inspection;</i> - <i>Consultancy on construction investment cost management;</i> - <i>Bidding consultancy services;</i> - <i>Preparation of bidding documents, evaluation of bids;</i> - <i>Fire prevention and fighting survey and supervision consultancy.</i> 	
15	Machining; treatment and coating of metals	2592
16	Building completion and finishing	4330
17	Electrical installation	4321
18	Finishing of textiles	1313
19	Weaving of textiles	1312
20	Real estate activities with own or leased land / property	6810
21	Manufacture of solar cells, solar panels, and photovoltaic inverters	2611
22	<p>Wholesale of other machinery, equipment, and parts</p> <p><i>Details:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Wholesale of electrical machinery, equipment, and materials (generators, electric motors, wires, and other equipment used in electrical circuits) (Wholesale of electrical materials, machinery, and equipment: Generator sets, generators, electric motors, transformers, insulated or uninsulated wires, relays, circuit breakers, fuses, other circuit devices.)</i> - <i>Wholesale of machinery, equipment, and parts for textile, garment, leather, and footwear;</i> - <i>Wholesale of office machinery, equipment, and parts (except computers and peripheral equipment);</i> - <i>Wholesale of other machinery, equipment, and parts not elsewhere classified (Wholesale of other machinery and equipment not elsewhere classified, used for industrial production, commerce, navigation, and other services).</i> 	4659

23	Manufacture of electric motors, generators, transformers, and electricity distribution and control apparatus	2710
24	Spinning of textiles	1311 (Main)
25	Manufacture of batteries and accumulators	2720
26	Manufacture of wiring devices of all kinds	2733
27	Repair and maintenance of electronic and optical equipment	3313
28	Manufacture of electric lighting equipment	2740
29	Repair and maintenance of electrical equipment	3314
30	Production of electricity from renewable energy <i>Details: Solar power</i>	3512
31	Transmission and distribution of electricity <i>Details:</i> - Operation of transmission systems that convey electricity from the generation facility to the distribution system. - Operation of electricity exchange and power transmission capacity. - Operation of distribution systems (consisting of lines, poles, meters, and wiring) that convey electricity received from the generation facility or the transmission system to the final consumer. - Sale of electricity to users.	3513
32	Electricity and gas brokers or agents <i>Details:</i> - Activities of electricity brokers or agents that arrange for the sale of electricity via distribution systems operated by others; - Activities of brokers or agents for the production, distribution, transmission capacity of electricity, and exchange of electrical energy. (Except for transmission	3540
33	Manufacture of other electronic components	2619

34	Other specialized wholesale not elsewhere classified <i>Details: Wholesale of textile fibers, cotton; wholesale of solar cells, solar water heaters</i>	4679
35	Wholesale of metals and metal ores <i>Details: Wholesale of iron and steel; Wholesale of non-ferrous metals (except gold)</i>	4672
36	Wholesale of other construction materials and equipment	4673
37	Retail sale of hardware, paints, glass, and other construction materials and equipment	4752
38	Retail sale of clothing, footwear, leather, and imitation leather articles <i>Details: Retail sale of clothing</i>	4771

Tax Registration Information:

No.	Tax Registration Information Indicators
1	Information about Director (General Director): Full name of Director (General Director): LE XUAN CHIEN Telephone:
2	Information about Chief Accountant / Person in Charge of Accounting: Full name of Chief Accountant / Person in Charge of Accounting: TRAN MINH HA Telephone:
3	Address for receiving tax notifications: Plot A4, Bui Vien Street, Nguyen Duc Canh Industrial Park, Tran Hung Dao Ward, Hung Yen Province, Vietnam Telephone: 02273.643826 Fax: 02273.642312 Email: phongketoandamsan@gmail.com
4	Accounting form: Independent accounting
5	Fiscal year: Applicable from January 1st to December 31st

6	Total number of employees: 600
7	VAT calculation method:

Recipients:

- DAMSAN JOINT STOCK
COMPANY. Address: Plot A4, Bui
Vien Street, Nguyen Duc Canh
Industrial Park, Tran Hung Dao
Ward, Hung Yen Province, Vietnam
- Archived at: Vu Hong Son.....

HEAD OF DEPARTMENT

Pham Thi Phuong